

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-PT

Ngày 21-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam

Các Thẩm phán: Ông Phúc An Hoàn và ông Hồ Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Ông Trần Công Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2022/TLPT - DS, ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm 41/2022/DS - ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2022/QĐ-PT, ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 21, tổ dân phố 12, phường Phan Thiết, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Bị đơn:** Chị Diêu Thị H1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 37, tổ 9, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Lãng Mai N, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 37, tổ 9, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Riêu Thị X, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thu H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết trong xã hội nên ngày 23/10/2020 chị Nguyễn Thu H có cho chị Diêu Thị H1, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 9, phường H, thành phố T vay số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) với mục đích để giải quyết việc gia đình, chị Diêu Thị H1 có viết giấy vay tiền hẹn ngày 23/12/2020 sẽ trả nhưng quá thời hạn thanh toán chị Nguyễn Thu H đòi nhiều lần nhưng chị Diêu Thị H1 không trả. Do vậy, chị Nguyễn Thu H khởi kiện yêu cầu chị Diêu Thị H1 phải thanh toán số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*).

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/12/2021 và biên bản hòa giải thành, bị đơn chị Diêu Thị H1 trình bày: Chị Diêu Thị H1 xác nhận là chị có viết giấy vay tiền ngày 23/10/2020 với nội dung vay của chị Nguyễn Thu H số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), lý do viết giấy vay tiền là vì em gái họ chị Diêu Thị H1 là Riêu Thị X, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cần tiền để đáo hạn Ngân hàng nên nhờ chị Diêu Thị H1 vay hộ, chị H nhất trí và hỏi chị Nguyễn Thu H vay hộ cho chị X, chị Nguyễn Thu H có yêu cầu chị Diêu Thị H1 đứng ra viết giấy và chị Nguyễn Thu H cho chị X vay 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) chứ chị Diêu Thị H1 không được nhận số tiền trên. Tuy nhiên chị Diêu Thị H1 xác định do chị Diêu Thị H1 tự nguyện viết giấy vay tiền của chị Nguyễn Thu H để vay hộ tiền cho chị X nên trước yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H, chị Diêu Thị H1 nhận trách nhiệm trả 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) cho chị Nguyễn Thu H và sẽ yêu cầu chị Riêu Thị X phải có trách nhiệm trả cho chị Diêu Thị H1 số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), về việc yêu cầu chị X trả nợ chị Diêu Thị H1 không yêu cầu trong vụ án này do nguyên đơn không nhất trí, chị Diêu Thị H1 sẽ tự đòi bên ngoài hoặc khởi kiện chị Riêu Thị X bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Ngày 21/12/2021 và ngày 23/12/2021 chị Diêu Thị H1 có đơn thay đổi ý kiến hòa giải, nội dung đơn chị Diêu Thị H1 xác định, chị không phải chịu trách nhiệm trả nợ cho chị Nguyễn Thu H đối với khoản nợ 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) trong giấy vay tiền chị Diêu Thị H1 đã viết ngày 23/10/2020 như đã thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày 20/12/2021 vì lý do chị Diêu Thị H1 viết giấy mục đích làm tin với chị Nguyễn Thu H để vay tiền hộ chị Riêu Thị X.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/12/2021 và tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/12/2021 nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc về việc chị Diêu Thị H1 phải trả là

100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) và bổ sung yêu cầu về việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Diêu Thị H1 phải trả lãi do chậm trả tính từ ngày 24/12/2020 đến ngày tuyên án sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng, tạm tính đến ngày 24/12/2021 thành số tiền 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*).

Tại biên bản làm việc và biên bản hoà giải ngày 28/12/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Riêu Thị X trình bày: Vì cần tiền để giải quyết việc gia đình nên ngày 23/10/2020 chị X đến nhà chị Diêu Thị H1 để hỏi vay 100.000.000 đồng, chị Diêu Thị H1 bảo: “Chị không có nhưng chị biết chỗ cho vay lãi, nếu em vay thì chị dẫn đi”. Sau đó chị Diêu Thị H1 đưa chị X đến nhà chị Nguyễn Thu H hỏi vay tiền. Chị Nguyễn Thu H bảo: “Chị không quen em, nên không cho em vay, nếu em là em của chị Diêu Thị H1 thì bảo chị Diêu Thị H1 viết giấy vay hộ cho thì được”, vì muốn giúp chị X nên chị Diêu Thị H1 đã viết giấy vay của chị Nguyễn Thu H số tiền 100.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H đối với chị Diêu Thị H1 về khoản nợ theo giấy vay tiền chị Diêu Thị H1 viết ngày 23/10/2020, chị X xin nhận trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thu H.

Ông Lãng Mai N là người đại diện theo ủy quyền của chị Diêu Thị H1 trình bày: Chị Diêu Thị H1 là vợ của anh Lãng Mai N, chị Riêu Thị X là em họ của chị H. Do chị Nguyễn Thu H và chị Diêu Thị H1 chơi thân với nhau, vì tin tưởng nên khi chị X cần tiền trình bày với vợ chồng anh Nam về việc chị X đang gặp khó khăn. Biết chị Nguyễn Thu H thường xuyên cho vay tiền nên chị Diêu Thị H1 đã dẫn chị X đến nhà chị Nguyễn Thu H để vay tiền, chị Nguyễn Thu H có yêu cầu chị Diêu Thị H1 viết giấy để bảo lãnh cho chị X thì chị Nguyễn Thu H mới cho chị X vay. Vì muốn giúp chị X nên chị Diêu Thị H1 đã viết giấy cho chị Nguyễn Thu H. Nhưng do sơ suất chị Diêu Thị H1 không viết với tư cách là người bảo lãnh mà lại đứng tên là người vay tiền. Chị Diêu Thị H1 chỉ viết giấy vay tiền, còn khoản tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền giao cho chị X, nay chị X cũng nhận trách nhiệm thanh toán cho chị H. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hoà giải hướng cho nguyên đơn chấp nhận đề nghị của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Riêu Thị X. Trên cơ sở giấy vay tiền thì chị Diêu Thị H1 là người vay tiền, tuy nhiên sự thật, người thật việc thật là vay tiền cho chị X sử dụng. Chị X cũng thừa nhận việc này. Do vậy nếu không thoả thuận được anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trên cơ sở sự thật như anh Nam đã trình bày, buộc chị Riêu Thị X phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST, ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 280; 463, 466; 468; 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Diêu Thị H1 phải trả cho chị Nguyễn Thu H số tiền 112.750.000 đồng (*một trăm mười hai triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi chậm trả là 12.750.000 đồng (*mười hai triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí; về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/6/2022, Tòa án nhận đơn kháng cáo của anh Lăng Mai N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; Lý do kháng cáo Tòa án nhân dân thành phố T tuyên xử buộc chị Diêu Thị H1 phải trả cho chị Nguyễn Thu H số tiền gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi hơn 12.000.000 đồng là không hợp tình, hợp lý, chưa xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ và lời khai. Anh Lăng Mai N cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm anh Nam không được quyền hỏi và tranh tụng với nguyên đơn; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Trước khi xét xử phúc thẩm anh Lăng Mai N nộp sao kê chi tiết giao dịch thể hiện chị Diêu Thị H1 trả tiền cho Nguyễn Thu H số tiền 90.679.500 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Lăng Mai N giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Nam và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đối trừ số tiền chị Diêu Thị H1 đã trả cho chị Nguyễn Thu H 90.679.500 đồng. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa ngày 19/8/2022, anh Lăng Mai N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để anh Nam có thời gian cung cấp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán cho chị Nguyễn Thu H số tiền 90.679.500 đồng, tại phiên tòa hôm nay, anh Lăng Mai N cho rằng vợ anh chị Diêu Thị H1 chỉ vay tiền của chị Nguyễn Thu H, địa chỉ tổ 12, phường Phan Thiết, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Chị Diêu Thị H1 không vay tiền của chị Nguyễn Thu H, địa chỉ tổ 12, phường Tân Quang, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Ông Trần Văn L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thu H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lăng Mai N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu của anh Lăng Mai N về việc đề nghị đối trừ số tiền chị Diêu Thị H1 đã trả cho chị Nguyễn Thu H 90.679.500 đồng. Vì ngày 13/11/2019 chị Diêu Thị H1 còn vay

của chị Nguyễn Thu H số tiền 100.000.000 đồng, do vậy việc anh Lăng Mai N cho rằng chị Diêu Thị H1 đã trả cho chị Nguyễn Thu H 90.679.500 đồng cho lần vay ngày 23/10/2020 là không có cơ sở. Đồng thời ông Trần Văn L cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền bản gốc thể hiện ngày 13/11/2019 chị Diêu Thị H1 vay của chị Nguyễn Thu H số tiền 100.000.000 đồng.

Chị Riêu Thị X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận kháng cáo của anh Lăng Mai N.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72, Điều 73; Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Lăng Mai N là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST, ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Về án phí: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 02/6/2022, anh Lăng Mai N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST, ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo nêu trên được chấp nhận là hợp lệ.

[2] Về nội dung vụ án:

Về nội dung kháng cáo của anh Lăng Mai N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 23/10/2020 chị Nguyễn Thu H có cho chị Diêu Thị H1 vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay tiền và cho vay tiền giữa chị Nguyễn Thu H và chị Diêu Thị H1 được lập thành văn bản thể hiện bằng Giấy vay tiền ngày 23/10/2020 mà chị Nguyễn Thu H giao nộp cho Tòa án, nội dung xác định: Ngày

23/10/2020 chị Diêu Thị H1 vay của chị Nguyễn Thu H 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), thời hạn trả ngày 23/12/2020, có chữ ký và ghi họ tên Diêu Thị H1.

Về việc chị Diêu Thị H1 xác định khoản tiền 100.000.000 đồng chị Diêu Thị H1 viết giấy vay của chị Nguyễn Thu H là tự nguyện nhưng chị Diêu Thị H1 không được sử dụng mà giao cho chị Riêu Thị X sử dụng đồng thời xác định trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là trách nhiệm của chị Riêu Thị X. Chị Riêu Thị X nhất trí với yêu cầu của bị đơn, nhận trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn. Tuy nhiên nguyên đơn không nhất trí và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Diêu Thị H1 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Diêu Thị H1 phải thanh toán cho chị Nguyễn Thu H số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) và lãi suất chậm trả tính từ ngày 24/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/5/2022) với mức lãi suất 9%/năm, số tiền lãi suất 12.750.000 đồng, tổng cộng cả số tiền gốc và số tiền lãi suất 112.750.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử.

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nghĩa vụ trả nợ của chị Riêu Thị X trong vụ án này, chị Diêu Thị H1 có quyền khởi kiện chị Riêu Thị X bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng: Tại phiên toà sơ thẩm anh Lăng Mai N không được quyền hỏi và tranh tụng với nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bút lục số 107 của biên bản phiên toà sơ thẩm ngày 27/5/2022 thể hiện phần các đương sự hỏi nhau tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn L đã đặt câu hỏi với người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là anh Lăng Mai N và anh Lăng Mai N cũng đã đặt câu hỏi với ông Trần Văn L; Tại bút lục số 104 biên bản phiên toà sơ thẩm ngày 27/5/2022 thể hiện phần tranh luận tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn L đã trình bày phần tranh luận, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là anh Lăng Mai N đã trình bày phần tranh luận. Do vậy, anh Lăng Mai N kháng cáo cho rằng: Tại phiên toà sơ thẩm anh Lăng Mai N không được quyền hỏi và tranh tụng với nguyên đơn là không có căn cứ.

Đối với ý kiến của anh Lăng Mai N cho rằng chị Diêu Thị H1 đã chuyển tiền qua tài khoản để trả cho chị Nguyễn Thu H số tiền 90.679.500 đồng, Toà án cấp sơ thẩm xử buộc chị Diêu Thị H1 phải trả cho chị Nguyễn Thu H số tiền gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi hơn 12.000.000 đồng là không hợp tình, hợp lý, chưa xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải

quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị Diêu Thị H1 thừa nhận có vay tiền của chị Nguyễn Thu H và nhận trách nhiệm trả tiền, nhưng sau đó lại thay đổi ý kiến không thừa nhận vay tiền của chị Nguyễn Thu H, do vậy việc anh Lăng Mai N cho rằng chị Diêu Thị H1 đã chuyển tiền qua tài khoản trả cho chị Nguyễn Thu H số tiền 90.679.500 đồng cho lần vay ngày 23/10/2020 là không có cơ sở. Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thu H là ông Trần Văn L cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền bản gốc thể hiện ngày 13/11/2019 chị Diêu Thị H1 vay của chị Nguyễn Thu H số tiền 100.000.000 đồng. Do vậy ý kiến của anh Lăng Mai N cho rằng chị Diêu Thị H1 đã chuyển tiền qua tài khoản trả cho chị Nguyễn Thu H số tiền 90.679.500 đồng không có cơ sở, không phải là trả nợ cho lần vay ngày 23/10/2020.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Lăng Mai N đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết lại toàn bộ vụ án là không có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Diêu Thị H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Diêu Thị H1 là anh Lăng Mai N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H về việc yêu cầu chị Diêu Thị H1 trả số tiền gốc 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tính mức lãi suất 0,9%/năm từ ngày 24/12/2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

Xử: Buộc chị Diêu Thị H1 phải trả cho chị Nguyễn Thu H số tiền 112.750.000 đồng (*một trăm mười hai triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và lãi chậm trả là 12.750.000 đồng (*mười hai triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Diêu Thị H1 phải chịu 5.637.500 đồng (*năm triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Nguyễn Thu H không phải chịu án phí vụ án, trả lại cho chị Nguyễn Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (*hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000105 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Diêu Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000354, ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị Diêu Thị H1 đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/9/2022).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam